

Bản án số: 140/2020/DS-PT

Ngày: 30/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Ông Trần Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L. (L.), sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp 6, xã P., huyện C.L., tỉnh Đ. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp L.P., xã L., huyện C., tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2019) (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim T., sinh năm 1953; nơi cư trú: ấp Đ., xã M., huyện C., tỉnh An Giang (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Kim T.: Ông Nguyễn Văn B. là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Địa chỉ: Số 1169/2 ấp P, xã M., huyện C.T., tỉnh K. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Kim T..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Do chỗ quen biết nên bà L. (Lan) có tham gia các dây hội do bà T. làm chủ với tên trong danh sách hội là “Cô 6 L.”:

Dây hội thứ nhất: 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 11/01/2018 âm lịch, gồm 21 hội viên, bà L. tham gia 01 phần. Hội khai được 7 lần, đến lần thứ 8 thì bà T. ngưng không khai tiếp; bà đã châu được 7.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 14/01/2018 âm lịch, gồm 21 hội viên, bà L. tham gia 01 phần. Hội khai được 7 lần, đến lần thứ 8 thì bà T. ngưng không khai tiếp; bà đã châu được 7.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba: 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 13/02/2018 âm lịch, gồm 21 hội viên, bà L. tham gia 01 phần. Hội khai được 6 lần, đến lần thứ 7 thì bà T. ngưng không khai tiếp; bà đã châu được 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T. còn nợ bà L. số tiền vay 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T. trả số tiền vay 60.000.000 đồng, bà L. chỉ yêu cầu bà T. trả số tiền hội 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T. trình bày: Trước đây bà có làm chủ một số dây hội và bà L. có tham gia chơi hội nhưng bà không nhớ bà L. có tham gia trong các dây hội này không, bà sẽ kiểm tra lại. Còn số điện thoại 0933.494.461 ghi trên danh sách hội là số điện thoại của bà từng sử dụng nhưng hiện nay bà đã không còn sử dụng. Bà không có vay tiền của bà L., chữ ký và chữ viết trong biên nhận vay không phải của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Kim T., Luật sư Nguyễn Văn B. trình bày: Bà T. cũng đồng ý bà có làm chủ các dây hội mà bà L. tham gia, hiện nay bà T. còn nợ lại bà L. số tiền hội 20.000.000 đồng, đồng ý bà L. rút lại số tiền vay 60.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C. tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. (L.).

Buộc bà Nguyễn Kim T. có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L. số tiền hội 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. đối với số tiền vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/5/2020 bà Nguyễn Kim T. có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T. vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Về kháng cáo: Bà xin thay đổi một phần nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền hội đã đóng là 4.000.000 đồng. Ngoài ra bà T. còn có đơn xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm do bà là người cao tuổi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Kim T., Luật sư Nguyễn Văn B. trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả 20.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định của pháp luật, chủ hội phải cung cấp đầy đủ sổ hội có xác nhận số lần hội viên đóng hội, trong đó theo sổ hội của bà T. xác định bà L. có đóng được 04 lần với số tiền 4.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bà T. đồng ý trả cho bà L. số tiền 4.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bút ký phiên tòa và nội dung bản án có sự mâu thuẫn, do đó cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Kim T. kháng cáo trong hạn luật định, là người cao tuổi và có đơn xin nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí; do đó đơn kháng cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Bà Lê Thị C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà C. đại diện ủy quyền cho bà L. xin rút lại số

tiền vay 60.000.000 đồng là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp và các đương sự không có kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T.: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim T. phải trả cho bà tổng số tiền 03 dây hui là 20.000.000 đồng với chứng cứ là 03 danh sách hui viên, trong đó hui viên có tên “Cô 6 L.” theo lời bà L. trình bày chính là tên thường gọi của bà ở nhà. Trong khi đó, bà T. cũng thừa nhận bà L. có tham gia chơi hui do bà làm chủ nhưng bà không nhớ bà L. có tham gia trong các dây hui này không, bà sẽ kiểm tra lại và có ý kiến sau nhưng cho đến khi xét xử sơ thẩm bà vẫn không có ý kiến trình bày.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm đã tiến hành thu thập thêm chứng cứ là lời khai của những người làm chứng như bà Phan Thị Kim T1, bà Trần Thị Kim Q. (tên trong danh sách hui là 6 Hé), bà Bùi Thị Y. (tên trong danh sách hui là 2 Tre) và bà Huỳnh Thị Kim C1 (tên trong danh sách hui là Tư Si). Tất cả những người này đều cho rằng có cùng tham gia chơi các dây hui trên với bà L., các dây hui này khai được 7 – 8 lần thì ngưng không khai tiếp và mọi người có đi khai hui chung nên biết bà L. được ghi tên trong danh sách hui là “Cô 6 L.” vì do bà L. ở nhà thứ 6. Đồng thời theo biên bản xác minh ngày 01/09/2020, ông Nguyễn Văn T. là Phó ấp Đ. thuộc xã M. cũng xác nhận bà L. có tên thường gọi ở nhà là “Cô 6 L.”.

[3.3] Ngoài ra, quá trình xét xử phúc thẩm, bà T. có cung cấp cho Tòa án danh sách 03 dây hui do bà làm chủ khai ngày 11/01/2018, ngày 14/01/2018 và khai ngày 13/02/2018 âm lịch. Qua kiểm tra, đối chiếu danh sách thứ tự, tên hui viên đều trùng khớp với danh sách do bà L. cung cấp và tại phiên tòa phúc thẩm bà T. cũng thừa nhận bà L. có tham gia các dây hui này nhưng bà cho rằng bà L. chỉ đóng được 02 lần đối với dây hui khai ngày 11/01/2018 và 01 lần đối với 02 dây hui còn lại rồi ngưng. Tuy nhiên, bà T. không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho những lần giao nhận tiền hui giữa hai bên ngoài quyển sổ hui do chính bà trực tiếp ghi và đánh dấu. Ngoài ra, theo bà T. trình bày thì thời điểm bà tuyên bố vỡ hui là khoảng tháng 06 năm 2018 cũng tương đương với thời điểm ngưng khai hui như những người làm chứng đã trình bày. Như vậy, kể từ thời điểm bắt đầu khai hui cho đến khi tuyên bố bể hui, theo tập quán cũng như thói quen góp hui tại địa phương thì tất cả các hui viên buộc phải đóng đầy đủ số tiền góp hui định kỳ khai hui theo như thỏa thuận; nếu bà L. không đóng thì tại sao bà T. không yêu cầu. Cho nên, việc bà T. khai nại là không có cơ sở xem xét.

[3.4] Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. là có căn cứ. Bà Nguyễn Kim T. kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T., giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, biên bản phiên tòa và nội dung bản án chưa có sự thống nhất với nhau; tuy nhiên nội dung này không ảnh hưởng đến nội dung của vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Bà T. bị buộc phải trả tiền cho bà L. và kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bà T. là người cao tuổi, tại giai đoạn phúc thẩm bà có đơn xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim T..

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện C., tỉnh An Giang tuy nhiên có sửa về án phí.

Áp dụng Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 235 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. (L.). Buộc bà Nguyễn Kim T. có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L. (L.) số tiền hai mươi triệu đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. (L.) đối với số tiền vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí:

- Án dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0007746 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C., tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Kim T. là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim T. là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA